

Số : 2705/QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v cấp phát vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ cho lực lượng Kiểm lâm**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/1/2008 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3152/QĐ-BNN-KH ngày 24/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt đề án “Tăng cường quản lý, sử dụng và trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ cho lực lượng Kiểm lâm giai đoạn 2011-2015”;

Căn cứ Quyết định số 94/ 2000/BNN-KL ngày 24 tháng 8 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT về việc ban hành qui chế quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng và công cụ hỗ trợ trong lực lượng Kiểm lâm;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục, số lượng đạn quân dụng, công cụ hỗ trợ cấp phát cho lực lượng Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các vườn quốc gia trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*theo biểu chi tiết đính kèm*).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Cục trưởng Cục Kiểm lâm tổ chức, chỉ đạo cấp phát cho các đơn vị với số lượng công cụ hỗ trợ và cơ số đạn theo danh sách cấp phát được duyệt kèm theo quyết định này và theo dõi tổng hợp số lượng, chất lượng, thực hiện chế độ thanh tra, kiểm tra việc quản lý, bảo quản, sử dụng vũ khí và công cụ hỗ trợ của lực lượng Kiểm lâm toàn quốc.

2. Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các vườn quốc gia trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp chịu trách nhiệm:

- Tổ chức tiếp nhận an toàn, đầy đủ số công cụ hỗ trợ và cơ sở đạn của vũ khí quân dụng được giao.

- Liên hệ với cơ quan Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện các thủ tục đăng ký, cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ theo qui định tại nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Quyết định số: 94/ 2000/BNN-KL ngày 24 tháng 8 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT về việc ban hành Qui chế quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng và công cụ hỗ trợ trong lực lượng Kiểm lâm.

- Phối hợp với cơ quan quân sự địa phương thường xuyên tổ chức huấn luyện về quản lý, sử dụng, bảo dưỡng, bảo quản vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ được trang cấp cho lực lượng Kiểm lâm thuộc quyền quản lý của đơn vị.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Kiểm lâm, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính, Tổng cục Lâm nghiệp, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và giám đốc các Vườn quốc gia trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Lưu: VP Bộ, TCLN, KL.

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Hứa Đức Nhị**

**BIỂU TỌNG HỢP VŨ KHÍ CÔNG CỤ HỖ TRỢ CẤP NĂM 2011**  
(Kèm theo Quyết định số **2705** QĐ-BNN-TCLN ngày **03** tháng 11 năm 2011)



TT	Tên đơn vị	ĐẠM CÁC LOẠI				CÔNG CỤ HỖ TRỢ				
		Đạn AK	Đạn cao su	Đạn hơi cay	Đạn điện	Súng điện	Súng đa năng	Roi điện	Gậy cao su	Bình xịt cay
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>Tổng số</b>	<b>27.600</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	<b>600</b>	<b>200</b>	<b>120</b>	<b>300</b>	<b>200</b>	<b>500</b>
1	Bắc Kạn	700	50	50	18	6		10	10	10
2	Bình Định	400	150	150	18	6	5	5	10	20
3	Bình Thuận	1.000	200	200	18	6	5	5		
4	Bình Phước	1.000	100	100	18	6	5	5		
5	Đắk Lắk	1.000	300	300	30	10		15	32	30
6	Đắk Nông	600	100	100	18	6		10		10
7	Gia Lai	1.000	500	500	30	10	10	8		20
8	Hà Nội	400			12	4		5		15
9	Hà Giang	500	100	100	12	4		10	10	20
10	Hà Tĩnh	700	200	200	18	6		10		
11	Hoà Bình	700	200	100	12	4		5		10
12	Kon Tum	600	150	150	12	4		5		15
13	Lâm Đồng	1.000	200	200	18	6		5		30
14	Lào Cai	700	100	100	12	4		5		
15	Nghệ An	1.500	200	200	12	4	10	10	20	
16	Ninh Thuận	700	200	200	12	4	5	5	16	20
17	Phú Thọ	1.200	150	150	12	4	5	5		
18	Phú Yên	1.300	200	200	12	4	5	10		20
19	Quảng Bình	2.000	200	300	30	10	8	20	30	35
20	Quảng Nam	2.000	200	200	12	4	5	15		30
21	Quảng Ngãi	800	100	100	18	6		10		10
22	Quảng Trị	750	150	150	12	4	5	5		30
23	Sơn La		50	50	18	6	6	5		10
24	Thái Nguyên	600	100	100	18	6		10		20
25	Thanh Hoá	1.000	100	100	36	12		20		20

TT	Tên đơn vị	ĐẠN CÁC LOẠI				CÔNG CỤ HỖ TRỢ				
		Đạn AK	Đạn cao su	Đạn hơi cay	Đạn điện	Súng điện	Súng đa năng	Roi điện	Gậy cao su	Bình xịt cay
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
26	TT Huế	1.500	100	100	18	6	4	5	20	10
27	Tiền Giang		20	20	6	2	2	2	2	5
28	Tuyên Quang		100	100	18	6	5	5		20
29	Yên Bái	1.000	50	50	12	4	5	5		
30	VQG Ba Vì	150			12	4		5		10
31	VQG Cát Tiên	700	150	130	12	4	5	5		10
32	VQG Tam Đảo	200	100	100	12	4	5	10		20
33	VQG Cúc Phương	400	50	50	12	4	5	5		10
34	VQG YOKDON	1.500	430	450	60	20	15	40	50	40